

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 152/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 11/4/2025  
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi  
ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường

**Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Đỗ Thị Thanh

Bà Ngô Thị Thom

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Nam Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo ình\\Tòa hành chính\\TP. Hoa\\HNGĐ\\Năm 2024\\TLST 426 Cúc Điện\\1" \o "quyết"Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 17/4/1988,

Địa chỉ: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Trần Thị M**, sinh ngày 10/7/1991,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Anh T, chị M đều vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, ình\\Tòa hành chính\\TP. Hoa\\HNGĐ\\Năm 2024\\TLST 426 Cúc Điện\\3" \o "Bản"bản tự khai và trong giá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị M tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày

25/03/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hoà hợp, không có tiếng nói chung. Tranh cãi ngày càng nhiều khiến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Chị M đã sang Đài Loan lao động từ năm 2015 đến nay. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau từ năm 2022. Dù đã được hai bên gia đình động viên, khuyên giải nhưng đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Anh và chị M có 01 con chung là Nguyễn Mạnh T1, sinh ngày 27/11/2013. Hiện tại con chung đang ở với anh nên khi ly hôn anh đề nghị giao con cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của bà Đặng Thị M1 (là mẹ đẻ của chị M):*

Do anh T không cung cấp được địa chỉ của chị M ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình chị M. Bà Đặng Thị M1 (là mẹ đẻ của chị M) trình bày, xác định chị M đã biết vụ việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu của anh T. Chị M có thông qua bà trình bày ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Chị M nhất trí giao con chung cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi. Chị M sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà M1 nhất trí nhận văn bản tố tụng của Tòa án thay cho chị M và cam kết thông báo lại cho chị M được biết.

Con chung của anh T và chị M là cháu Nguyễn Mạnh T1 có văn bản trình bày nguyện vọng được ở cùng bố.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn anh T có quan điểm đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị M có quan điểm đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

*Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị M; Về

con chung: Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mạnh T1, sinh ngày 27/11/2013 cho đến khi con trưởng thành. Chị M có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung cùng anh T là **2.000.000 đồng/tháng**; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Trần Thị M. Bị đơn chị M hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ của chị M tại nước ngoài. Theo quy định tại Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã nhiều lần yêu cầu người nhà trong gia đình chị M cung cấp địa chỉ nhưng gia đình chị M không cung cấp được. Thông qua gia đình chị M xác định chị M thường xuyên liên lạc về gia đình và thông qua mẹ chị M là bà M1, chị M đã có quan điểm về nội dung vụ án. Do vậy, áp dụng Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Tại phiên tòa anh T có quan điểm đề nghị giải quyết xử vắng mặt; chị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, chị M có đề nghị xét xử vắng mặt (thông qua mẹ đẻ) nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, chị M.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị M tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/03/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hoà

hợp, không có tiếng nói chung. Hiện nay, chị M đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan, anh T đang sinh sống tại khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương, mỗi người có cuộc sống riêng. Đến nay anh T xác định không còn tình cảm với chị M và có đơn xin ly hôn, chị M có quan điểm nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn anh T, chị M đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh T ly hôn chị M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Anh T và chị M có 01 con chung là Nguyễn Mạnh T1, sinh ngày 27/11/2013. Hiện tại con chung đang ở với anh T tại khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương nên khi ly hôn anh đề nghị giao con cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử, xét thấy: Chị M đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, cháu T1 cũng đã có đơn trình bày nguyện vọng được ở cùng bố. Do đó, giao cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 cho đến khi trưởng thành.

Về mức cấp dưỡng: Anh T có quan điểm yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là 2.000.000 đồng/tháng. Chị M có quan điểm sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình thì chị M không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng của anh T phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương tối thiểu vùng nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T.

Chị Trần Thị M được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Trần Thị M.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mạnh T1, sinh ngày 27/11/2013 thời gian từ tháng 04/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị M có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng cho con chung cùng anh T là 2.000.000 đồng/tháng thời gian từ tháng 04/2025 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

3. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0001663 ngày 24/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (đã nộp đủ).

Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung (chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật; Chị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án*

*hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ  
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa  
GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Cường**